

Bản án số: 83/2022/DS – ST
Ngày: 06/7/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Phong

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 115/2022/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2022/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2022/QĐST – DS ngày 10/6/2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 394/2022/TB-TA ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ A, ấp TB, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Ông Trần Văn TH, sinh năm 1944

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số B/C, khóm PQ, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

(ông T có mặt, bà H và ông TH vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 31/3/2022; biên bản không tiến hành hòa giải được và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông T và ông TH, bà H là chỗ quen biết nên ông TH có nhờ ông vay tiền của Quỹ tín dụng MP cho ông với số tiền 550.000.000. Ông TH, bà H có làm biên nhận vào ngày 17/8/2009. Đến ngày 02/01/2012, ông TH, bà H có làm tờ cam kết sẽ trả hết số nợ cho ông T vào ngày 30/3/2012. Tuy nhiên đến nay ông TH và bà H vẫn không thực hiện. Ngày 26/6/2014, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử buộc ông T phải trả cho Quỹ tín dụng MP số tiền vốn là 550.000.000đ và tiền lãi là 573.594.000đ, tổng cộng số tiền ông T đã trả là 1.123.594.000đ. Ông T yêu cầu ông TH, bà H phải liên đới trả cho ông số tiền 1.123.594.000đ vì số tiền này ông T vay giùm cho ông TH, bà H nên ông TH bà H phải trả lại cho ông.

Ông Trần Văn TH là bị đơn trong vụ án trình bày: Ông TH thừa nhận có nhờ ông T vay cho ông số tiền 550.000.000đ của Quỹ tín dụng MP để làm ăn. Ông TH và vợ ông là bà Nguyễn Thị H có ký biên nhận nợ với ông T. Ông TH đồng ý trả số tiền vốn 550.000.000đ cho ông T, còn số tiền lãi 573.594.000đ không đồng ý trả vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông TH bà H đang bệnh không có khả năng trả.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị H không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.**

*** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:**

Ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Trần Văn TH bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả số tiền 1.123.594.000đ.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn TH vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

*** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:**

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*** Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:**

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

- Nguyên đơn ông T, bị đơn ông TH đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Quan điểm giải quyết vụ án:**

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự 2005:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền.
1.123.594.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T với ông Trần Văn TH và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà H, ông TH tại địa chỉ cư trú, ông TH là chồng bà H đồng thời là cũng là bị đơn trong vụ kiện nhận và cam kết giao lại cho bà H theo qui định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, đối với ông TH thì vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông TH.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 17/8/2009, ông Trần Văn TH và bà Nguyễn Thị H có nhờ ông Nguyễn Văn T vay số tiền 550.000.000đ ở Quỹ tín dụng MP. Ông TH, bà H có làm biên nhận nợ với ông Nguyễn Văn T vào ngày 17/8/2009 và có hẹn sau 01 tháng sẽ trả lại số tiền này cho ông T. Ông Nguyễn Văn T đã ký hợp đồng tín dụng số 3160/8/9 ngày 14/8/2009 với Quỹ tín dụng MP để vay số tiền 550.000.000đ cho ông TH, bà H. Tuy nhiên, ông TH, bà H không trả số tiền trên cho ông T. Ngày 26/6/2014, Tòa án nhân thành phố Long xuyên xét xử theo Bản án số 48/2014/DS-ST, buộc ông Nguyễn Văn T phải trả vốn và lãi cho Quỹ tín dụng MP là 1.123.594.000đ, trong đó tiền vốn là 550.000.000đ và tiền lãi là 573.594.000đ. Ông T đã trả số tiền 1.123.594.000đ cho Quỹ tín dụng MP. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông TH, bà H phải liên đới trả cho ông số tiền 1.123.594.000đ.

[2.2] Ông TH thừa nhận, ông có nhờ ông T vay 550.000.000đ của Quỹ tín dụng MP, vợ chồng ông có làm biên nhận nợ vào ngày 17/8/2009 với ông T. Tuy nhiên, hiện nay ông TH và bà H đều bị bệnh, hoàn cảnh khó khăn nên chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 550.000.000đ và không đồng ý trả số tiền lãi 573.594.000đ cho ông T.

[2.3] Bà Nguyễn Thị H là đồng bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Xét thấy, giao dịch dân sự giữa ông T với ông TH, bà H là hoàn toàn tự nguyện, việc vay tiền giữa các bên có làm “Biên nhận nợ” vào ngày 17/8/2009. Ông TH, bà H khi làm biên nhận nợ có cam kết thời hạn trả nợ là sau một tháng kể từ ngày lập biên nhận nợ, nhưng ông TH, bà H vẫn không thực hiện cho đến nay đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông TH, bà H phải liên đới trả cho ông số tiền vốn 550.000.000đ là có căn cứ.

[2.5] Đối với số tiền lãi 573.594.000đ, ông T yêu cầu ông TH, bà H phải liên đới trả cho ông vì số tiền này ông đã trả cho Quỹ tín dụng MP. Ông TH không đồng ý vì cho rằng hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả nợ. Xét thấy, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 17/8/2009; Tờ cam kết trả nợ vào ngày 02/01/2012 và tờ tường trình ngày 29/4/2012, ông TH, bà H đều thừa nhận có nhờ ông T vay của Quỹ tín dụng MP cho ông, bà số tiền 550.000.000đ. Mặt khác, tờ cam kết trả nợ có nội dung “*vợ chồng tôi trả tất cả số nợ nêu trên và đồng thời đóng lãi đầy đủ số tiền vay của Quỹ tín dụng MP*”. Do đó việc ông TH không đồng ý trả số tiền 573.594.000đ vì hoàn cảnh khó khăn cũng như tại phiên tòa ông T không đồng ý vì vậy yêu cầu này của ông TH không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, qua lời trình bày của các bên cũng như các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ông TH và bà H đồng ý trả cả vốn và lãi đối với số tiền mà ông T đã vay của Quỹ tín dụng MP cho ông, bà. Do ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả số tiền lãi 573.594.000đ cho Quỹ tín dụng MP mà số tiền này xuất phát tiền số tiền mà ông T đã vay dùng cho ông TH, bà H nên ông T yêu cầu bà ông TH, bà H trả lại là có căn cứ. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn TH phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 573.594.000đ. Tổng cộng là 1.123.594.000đ.

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn TH được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471; 473 và Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điểm đ khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn;

- Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn TH phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 1.123.594.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Về án phí:

- + Ông Trần Văn TH và Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm
- + Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận số lại số tiền 22.860.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm sáu chục nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001198 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn TH được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh

